TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 14/6/2023
"V/v ly hôn, và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Bà: Cao Thị Thu Ngà

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST - HNGĐ ngày 10/02/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đ Th Nh, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 5 Y Th, xã T H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh C Th S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 5 Y Th, xã T H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Đ Th Nh trình bày giữa chị và anh C Th S đã đăng ký kết hôn ngày 28/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh

phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị Nh làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th H, sinh ngày 28/11/2011 và cháu C K H, sinh ngày 01/3/2014. Sau khi ly hôn chị Nh giao con cho anh S nuôi dưỡng vì các cháu đang học tập và ở với anh S và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có

Khoản vay chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2023 của anh C Th S trình bày anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th H, sinh ngày 28/11/2011 và cháu C K H, sinh ngày 01/3/2014. Sau khi ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Ngày 25/02/2023 chị Nh có đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do điều kiện đi lại do làm ăn xa nên không tham gia phiên tòa và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt của chị. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nh là hợp lệ và tự nguyên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị Nh.

Ngày 04/4/2023 anh S có đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do điều kiện đi lại do làm ăn tại tỉnh Đ N không về được nên không tham gia phiên tòa và yêu cầu

hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt của anh S. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của anh S là hợp lệ và tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của anh S.

[2] Chị Đ Th Nh và anh C Th S đã đăng ký kết hôn ngày 28/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận ly hôn của chị Nh và anh S. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đ Th Nh và anh C Th S là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, chị Nh nhất trí giao con cho anh S nuôi dưỡng, cháu H1 và cháu H2 cũng có nguyện vọng được ở với bố nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh C Th S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th H, sinh ngày 28/11/2011 và cháu C K H, sinh ngày 01/3/2014, chị Đ Th Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C Th H và cháu C K H tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về khoản vay chung: Không có nên không xem xét

[6] Án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000725 ngày 10/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị Nh còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đ Th Nh và anh C Th S.

2. Về con chung: Xử giao cho anh C Th S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th H, sinh ngày 28/11/2011 và cháu C K H, sinh ngày 01/3/2014, chị Đ Th Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng, tổng cộng cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng là 1.600.000 đồng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu C Th H và cháu C K H tròn 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000725 ngày 10/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị Nh còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã T H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn